

PART 2: TỪ DỄ GÂY NHẦM LÀN

STT	TỪ DỄ NHẦM	NGHĨA
1	Uninterested /ʌn'ɪntərestɪd/(a)	Lãnh đạm, thờ ơ, không quan tâm, không chú ý, không để ý
	Disinterested /dɪ'sɪntrəstɪd/(a)	Vô tư, không vụ lợi, không cầu lợi
2	Formally /'fɔ:məli/(adv)	(một cách) chính thức
	Formerly /'fɔ:məli/(adv)	Trước đây
3	Considerable /kən'sɪdərəbl/(a)	Rất lớn, to tát, đáng kể
	Considerate /kən'sɪdərət/(a)	Án cần, chu đáo; cẩn thận, thận trọng
4	Appreciable /ə'pri:ʃəbl/(a)	Có thể đánh giá, thấy rõ được; đáng kể
	Appreciative /ə'pri:ʃətɪv/(a)	Biết thưởng thức, biết ơn
5	Forgettable /fə'getəbl/(a)	Có thể quên được
	Forgetful /fə'getfl/(a)	Hay quên
6	Expectation /,ekspek'teɪʃn/(n)	Sự trông chờ, sự hy vọng (của một người)
	Expectancy /ɪk'spektənsi/(n)	Sự chờ mong, hy vọng (thường liên quan đến khoảng thời gian được dự kiến để điều gì diễn ra)
7	Respectable /rɪ'spektəbl/(a)	Đáng kính trọng; đứng đắn, đàng hoàng; khá lớn, đáng kể
	Respective /rɪ'spektɪv/(a)	Riêng của mỗi người/vật; tương ứng
	Respectful /rɪ'spektfl/(a)	Thể hiện sự tôn trọng, tôn kính, lễ phép
8	Comprehensible /,kəmprɪ'hensəbl/(a)	Có thể hiểu được, có thể lĩnh ngộ
	Comprehensive /,kəmprɪ'hensɪv/(a)	Bao quát, toàn diện
9	Beneficent /bə'nefɪsənt/(a)	Hay làm phúc, hay làm việc thiện
	Beneficial /,benɪ'fɪʃl/(a)	Có ích, có lợi
10	Complimentary /,kəmplɪ'mentəri/(a)	Ca ngợi, mời, biếu
	Complementary /,kəmplɪ'mentəri/(a)	Bổ sung, bù
11	Farther /'fɑ:ðə(r)/ (a)	Xa hơn (thường để chỉ khoảng cách vật lý)
	Further /'fɜ:ðə(r)/ (a)	Xa hơn (dùng để chỉ khoảng cách vật lý cũng như khoảng cách khác như không gian, thời gian; có thể chỉ mức độ); thêm vào đó
12	Sensible /'sensəbl/(a)	Biết điều, hợp lý, nhận thấy
	Sensitive /'sensɪtv/(a)	Nhạy cảm, dễ bị tổn thương, truyền cảm, thông cảm
13	Responsible /rɪ'spɒnsəbl/(a)	Chịu trách nhiệm; đáng tin cậy
	Responsive /rɪ'spɒnsɪv/(a)	Đáp lại, phản ứng nhanh nhẹn
14	Successful /sək'sesfl/(a)	Thành công
	Successive /sək'sesɪv/(a)	Liên tiếp, kế tiếp
15	Classical /'klæsɪkl/(a)	Cổ điển, thuộc về truyền thống lâu đời
	Classic /'klæsɪk/(a)	Kinh điển
16	Deadly /'dedli/(a)	Chết người; cực kỳ, hết sức
	Deathly /'deθli/(a)	Như chết

17	Continual /kən'tɪnjʊəl/(a)	<i>Liên tục nhưng có ngắt quãng</i>
	Continuous /kən'tɪnjʊəs/(a)	<i>Liên tục, không ngừng</i>
18	Economical /,i:kə'nɒmɪkl/(a)	<i>Tiết kiệm (thời gian, tiền,...)</i>
	Economic /,i:kə'nɒmɪk/(a)	<i>Thuộc về kinh tế</i>
19	Specifically /spə'sɪfɪkli/(adv)	<i>Đặc biệt (dùng để chỉ một việc gì đó được thực hiện vì một mục đích đặc biệt nào đó)</i>
	Especially /ɪ'speʃəli/(adv)	<i>Đặc biệt (dùng để chỉ một điều gì đó mà bạn nói đến có sự đặc biệt nhiều hơn thứ khác)</i>
20	Terrible /'terəbl/(a)	<i>Khủng khiếp, rất tồi, rất chán, không ra gì</i>
	Terrific /tə'rfɪk/(a)	<i>Tuyệt vời</i>
21	Favourite /'feɪvərɪt/(a)	<i>Được yêu thích, yêu thích nhất</i>
	Favourable /'feɪvərəbl/(a)	<i>Thuận lợi, tỏ ý tán thành</i>
22	Awful /'ɔ:ful/(a)	<i>Đáng sợ, khủng khiếp, mang tính tiêu cực</i>
	Awesome /'ɔ:səm/(a)	<i>Đáng kính sợ (miêu tả sự ngạc nhiên, thú vị, mang tính tích cực)</i>
23	Historical /hɪ'stɒrɪkl/(a)	<i>Thuộc lịch sử (thường mô tả cái gì đó liên quan đến quá khứ hoặc việc nghiên cứu lịch sử hay cái gì đó được thực hiện ở quá khứ)</i>
	Historic /hɪ'stɒrɪk/(a)	<i>Có tính chất lịch sử (thường được dùng để miêu tả cái gì đó rất quan trọng đến độ người ta phải ghi nhớ nó)</i>
24	Imaginary /ɪ'mædʒɪnəri/(a)	<i>Tưởng tượng</i>
	Imaginative /ɪ'mædʒɪnətɪv/(a)	<i>Giàu trí tưởng tượng</i>
	Imaginable /ɪ'mædʒɪnəbl/(a)	<i>Có thể tưởng tượng được</i>
25	Restful /'restfl/(a)	<i>Tạo không khí nghỉ ngơi thoải mái, yên tĩnh</i>
	Restless /'restləs/(a)	<i>Luôn luôn động đậy, không yên, bồn chồn</i>
26	Industrial /ɪn'dʌstriəl/(a)	<i>Thuộc công nghiệp</i>
	Industrious /ɪn'dʌstriəs/(a)	<i>Cần cù, siêng năng</i>
27	Dependent /dɪ'pendənt/(a)	<i>Dựa vào, y lại, phụ thuộc</i>
	Dependable /dɪ'pendəbl/(a)	<i>Có thể tin cậy được</i>
28	Every day (adv)	<i>Mỗi ngày (trong một thời kỳ, giai đoạn), rất thường xuyên</i>
	Everyday(a)	<i>Thông thường, lệ thường, hằng ngày</i>
29	Effective /ɪ'fektɪv/(a)	<i>Có hiệu quả (được dùng để nói về việc tạo ra/đạt được kết quả như mong muốn)</i>
	Efficient /ɪ'fɪʃnt/(a)	<i>Có hiệu suất cao (máy móc cao), năng suất cao (con người), dùng để chỉ cách làm việc tốt mà không phí thời gian, công sức, tiền bạc</i>
30	Principle /'prɪnsəpl/(a)	<i>Nguyên lý, nguyên tắc</i>
	Principal /'prɪnsəpl/(a)	<i>Chính, chủ yếu</i>
31	Later /'leɪtər/(adv)	<i>Sau này, một thời điểm ở tương lai</i>
	Latter /'lætər/(n)	<i>Cái sau, người sau (trong số 2 người)</i>
32	Illicit /ɪ'lɪsɪt/(a)	<i>Trái phép, lậu, vụng trộm</i>
	Elicit /ɪ'lɪsɪt/(v)	<i>Mời ra</i>

33	Entrance /'entrəns/(n)	Lối vào, cửa vào; quyền, khả năng của ai để đi vào nơi nào
	Entry /'entri/(n)	Sự đi vào; quá trình người/vật trở thành một phần của cái gì đó
34	Drastically /'dræstikli/(adv)	Một cách mạnh mẽ, quyết liệt
	Dramatically /drə'mætikli/(adv)	Đột ngột
35	Package /'pækɪdʒ/(n)	Gói đồ, kiện hàng, hộp để đóng hàng
	Packaging /'pækɪdʒɪŋ/(n)	Bao bì
36	Percent /pə'sent/(n)	Phần trăm
	Percentage /pə'sentɪdʒ/(n)	Tỷ lệ phần trăm
37	Desert /'dezət/(n)	Rời đi, bỏ đi; sa mạc
	Dessert /dɪ'zɜ:t/(n)	Món tráng miệng
38	Felicitate /fə'lɪsɪteɪt/(v)	Khen ngợi, chúc mừng
	Facilitate /fə'sɪlɪteɪt/(v)	Tạo điều kiện dễ dàng
39	Heroin /'herəʊɪn/(n)	Heroin, thuốc phiện
	Heroine /'herəʊɪn/(n)	Nữ anh hùng
40	Compliment /'kɒmplɪmənt/(n)	Lời khen ngợi, lời chúc mừng
	Complement /'kɒmplɪment/(n)	Phần bổ sung, số lượng cần thiết
41	Intensive /ɪn'tensɪv/(a)	Tập trung, sâu, nhấn mạnh, cực kỳ kỹ lưỡng
	Extensive /ɪk'stensɪv/(a)	Rộng, rộng lớn
42	Foul /faʊl/(n)	Hôi, bẩn
	Error /'erə[r]/(n)	Sai sót, sai lầm
43	Sometime /'sʌmtaɪm/(adv)	Trước kia, nguyên
	Sometimes /'sʌmtaɪmz/(adv)	Đôi khi, đôi lúc
44	Beside /br'saɪd/(prep)	Bên cạnh
	Besides /br'saɪdz/(adv)	Ngoài ra, hơn nữa, vả lại
45	Advisory /əd'vaɪzəri/(n)	Tư vấn
	Advisable /əd'vaɪzəbl/(n)	Nên, đáng theo; khôn ngoan
46	Suggested /sə'dʒestɪd/(a)	Được gợi ý
	Suggestible /sə'dʒestəbl/(a)	Dễ bị ảnh hưởng
47	Ingredient /ɪn'gri:diənt/(n)	Thành phần (thường trong đồ ăn)
	Component /kəm'pəʊnənt/(n)	Nhân tố cấu thành (thường dùng trong máy móc)
48	Wound /wu:nd/(v)	bị thương trong 1 cuộc chiến, đánh nhau (bị thương bởi súng, dao, hoặc vật gì đó)
	Injure /'ɪndʒə(r)/(v)	Bị thương vì tai nạn
49	Confident /'kɒnfɪdənt/(a)	Tin tưởng, tin, tự tin
	Confidential /,kɒnfi'denʃl/(a)	Kín, mật
50	Invent /ɪn'vent/(v)	Phát minh, sáng chế
	Discover /dɪs'kʌvə(r)/(v)	Phát hiện, tìm ra, khám phá
51	Ignore /ɪg'nɔ:r/(v)	Làm ngơ, bỏ qua, không chú ý tới
	Neglect /nɪ'glekt/(v)	Không quan tâm, lơ là

52	Found /fəʊnd/(v)	Thành lập, sáng lập
	Found /faʊnd/(v)	Quá khứ đơn và quá khứ phân từ của động từ “find”
53	Lie - lied - lied(v)	Nói dối (động từ nguyên mẫu và quá khứ, quá khứ phân từ)
	Lie - lay - lain(v)	Nằm xuống (động từ nguyên mẫu và quá khứ, quá khứ phân từ)
	Lay - laid - laid(v)	Để, đặt cái gì (động từ nguyên mẫu và quá khứ, quá khứ phân từ)
54	Prolong /prə'lonʒ/(v)	Kéo dài (ngoại động từ)
	Last /lɑːst/(v)	Kéo dài (nội động từ)
55	Drop /drɒp/(v)	Rơi, nhảy xuống, giảm xuống (nhiệt độ, gió, mực nước,...)
	Reduce /rɪ'djuːs/ (v)	Giảm, hạ (ngoại động từ)
56	Rise /raɪz/(v)	Gia tăng về số lượng (là nội động từ)
	Raise /reɪz/(v)	Gia tăng, nâng một cái gì từ vị trí thấp lên vị trí cao hơn (là ngoại động từ)
57	Finally /'faɪnəli/(adv)	Cuối cùng, để kết luận(được dùng để giới thiệu một điểm, một mục cuối cùng hay hỏi một câu sau cùng)
	Eventually /ɪ'ventʃəli/(adv)	Rốt cuộc, cuối cùng (để nói về những gì xảy ra trong giai đoạn cuối của một loạt sự kiện, và thường là kết quả của chúng)
58	A while	Một khoảng thời gian (cụm danh từ)
	Awhile /ə'waɪl/	Một lát, một chốc (phó từ)
59	Reward /rɪ'wɔːd/(n)	Phần thưởng, thưởng (dùng để đền bù hay công nhận sự nỗ lực, sự đóng góp, sự vất vả của một cá nhân; dưới hình thức tiền hay được thăng chức)
	Award /ə'wɔːd/(n)	Trao thưởng, giải thưởng (dùng để trao trong những dịp quan trọng, một minh chứng thành tích, sự xuất sắc của một cá nhân và được hội đồng thông qua, thường dưới hình thức huy chương, giấy chứng nhận, danh hiệu, cúp,...)
60	Forget /fə'get/(v)	Quên, bỏ quên
	Leave /liːv/(v)	Bỏ lại, để lại, bỏ quên (ở một nơi nào đó, có địa điểm cụ thể)
61	Persuade /pə'sweɪd/(v)	Thuyết phục ai đó làm gì vì hợp lý
	Convince /kən'vɪns/(v)	Thuyết phục ai tin vào điều gì đó
62	Expand /ɪk'spænd/(v)	(Làm cho) trở nên lớn hơn về kích cỡ, số lượng, hoặc tầm quan trọng
	Extend /ɪk'stend/(v)	Làm cho cái gì đó dài ra hơn, thêm rộng hơn, lớn hơn. (thường là nghĩa đen, như cái nhà, cái hàng rào, con đường, hay một khu vực,...); kéo dài hiệu lực
63	Assurance /ə'ʃʊərəns/(n)	Được dùng để chỉ “bảo hiểm nhân mạng” (life assurance). Khi tham gia hệ thống bảo

		<i>hiểm này, bạn đều đặn nộp tiền cho công ty bảo hiểm. Khi bạn qua đời, thân nhân của bạn sẽ lĩnh được một số tiền.</i>
	Insurance /in'ʃʊ:rəns/(n)	<i>Hợp đồng do một công ty hoặc tổ chức xã hội, hoặc nhà nước làm để đảm bảo đền bù, mất mát, thiệt hại, ốm đau,... bằng việc bạn đóng tiền thường kỳ.</i>
64	Stationary /'steɪʃənri/(a)	<i>Đứng yên, để một chỗ, không thay đổi</i>
	Stationery /'steɪʃənri/(n)	<i>Văn phòng phẩm</i>
65	Immigrate /'ɪmɪgrənt/(v)	<i>Nhập cư</i>
	Migrate /maɪ'greɪt/(v)	<i>Di trú (người, chim)</i>
66	Poster /'pɒstə(r)/(n)	<i>Áp phích lớn, tờ quảng cáo lớn</i>
	Porter /'pɔ:tə(r)/(n)	<i>Công nhân khuân vác, người trực ở cổng</i>
67	Drought /draʊt/(n)	<i>Hạn hán</i>
	Draught /dra:ft/(n)	<i>Gió lùa</i>
68	Unnecessary /ʌn'nesəsri/(a)	<i>Không cần thiết (thừa), không có lý do, vô cớ</i>
	Needless /'ni:dləs/(a)	<i>Không cần thiết</i>
69	Shadow /'ʃædəʊ/(n)	<i>Bóng của người hay vật</i>
	Shade /ʃeɪd/(n)	<i>Bóng mát, bóng râm</i>
70	Sink /sɪŋk/(v)	<i>Chìm (áp dụng cho cả người, động vật và đồ vật)</i>
	Drown /draʊn/(v)	<i>Chết đuối, chết chìm (dùng khi nói về sinh vật).</i>
71	Lend /lend/(v)	<i>Cho mượn, cho vay</i>
	Borrow /'bɒrəʊ/(v)	<i>Vay, mượn từ ai</i>
72	Mend /mend/(v)	<i>Thường được sử dụng để diễn tả sự sửa chữa trên những chất liệu mềm, những vật liệu hữu cơ dễ sửa chữa hoặc những sự vật hiện tượng mang tính tinh thần</i>
	Repair /rɪ'peər/(v)	<i>Dùng khi một phần nào đó của một vật hoặc hệ thống cần được sửa chữa</i>
73	Disuse /dɪs'ju:s/(v)	<i>Sự bỏ không dùng đến</i>
	Misuse /mɪs'ju:z/(v)	<i>Dùng sai</i>
74	Recognize /'rekəɡnaɪz/(v)	<i>Nhận diện (bằng việc nhìn bằng mắt), phân biệt, nhận ra ai đó</i>
	Realize /'rɪəlaɪz/(v)	<i>Cảm nhận, nhận biết, nhận thức được, hiểu ra</i>
75	Climate /'klaɪmət/ (n)	<i>Khí hậu, miền khí hậu</i>
	Climax /'klaɪmæks/ (n)	<i>Cực điểm, tột đỉnh</i>
76	Satisfying /'sætɪsfaɪɪŋ/ (a)	<i>Làm hài lòng, làm thỏa mãn (nói về một việc/đồ vật nào đó đáp ứng được nhu cầu và yêu cầu của bạn và quan trọng nhất là cảm giác của bạn khi làm việc/dùng vật đó. Bạn thấy hoàn toàn thỏa mãn/hài lòng).</i>
	Satisfactory /,sætɪs'fæktəri/ (a)	<i>Vừa lòng, vừa ý; thỏa mãn (chỉ một việc/vật nào đó khi mức độ hài lòng của người nói đối</i>

		<i>với việc/đồ vật đó chỉ dừng ở mức tạm chấp nhận được, họ không có gì để than phiền nhưng cũng không thích thú gì với việc/vật đó).</i>
77	Sacred /'seɪkrɪd/ (a)	<i>Thần thánh, thiêng liêng</i>
	Scared /skeəd/ (a)	<i>Bị hoảng sợ</i>
78	Doggy /'dɒgi/ (n)	<i>Chó má, khốn nạn</i>
	Dogged /'dɒɡɪd/ (a)	<i>Bền bỉ, ngoan cường</i>
79	Application /,æplɪ'keɪʃən/ (n)	<i>Lời xin, đơn xin, sự áp dụng</i>
	Applicant /'æplɪkənt/ (n)	<i>Người xin việc</i>
80	Employer /ɪm'plɔɪər/ (n)	<i>Ông chủ</i>
	Employee /ɪm'plɔɪi/ (n)	<i>Người làm công</i>
81	Ingenious /ɪn'dʒiːniəs/ (a)	<i>Tài tình, khéo léo</i>
	Ingenuous /ɪn'dʒenjuəs/ (a)	<i>Chân thật, ngây thơ</i>
82	Enquiry /'ɪnkwəri/ (n)	<i>Sự đặt câu hỏi, sự thăm vấn (một yêu cầu đối với sự thật, sự hiểu biết, thông tin)</i>
	Inquiry /ɪn'kwɪəri/ (n)	<i>Điều tra về một cái gì đó</i>
83	Direction /daɪ'rekʃən/ (n)	<i>Chỉ dẫn (dùng cho việc tìm hướng)</i>
	Instruction /ɪn'strʌkʃən/ (n)	<i>Chỉ dẫn (thông tin về cách làm việc gì đó)</i>
84	Magic /'mædʒɪk/ (n) (a)	<i>Ma thuật, phép thần thông, sức lôi cuốn, khi là tính từ “magic” dùng trong vai trò làm thuộc ngữ, đứng trước danh từ mà nó bổ nghĩa “magic” thường dùng nghĩa đen và một số cụm từ nhất định</i>
	Magical /'mædʒɪkəl/ (a)	<i>Kỳ diệu, liên quan đến phép thuật, ma thuật, được dùng trong cả vai trò vị ngữ và bổ ngữ</i>
85	Permissive /pə'mɪsɪv/ (a)	<i>Dễ dãi (nhất là với trẻ em)</i>
	Permissible /pə'mɪsəbəl/ (a)	<i>Được cho phép, chấp nhận được</i>
86	Humble /'hʌmbəl/ (a)	<i>Khiêm tốn (vì cảm thấy mình thấp kém)</i>
	Modest /'mɒdɪst/ (a)	<i>Khiêm tốn (chỉ con người, cách cư xử không muốn khoe khoang)</i>
87	Sociable /'səʊʃəbəl/ (a)	<i>Hòa đồng, dễ gần gũi</i>
	Social /'səʊʃəl/ (a)	<i>Thuộc xã hội</i>
88	Angle /'æŋɡəl/ (n)	<i>Góc độ, góc cạnh</i>
	Angel /'eɪndʒəl/ (n)	<i>Thiên thần, thiên sứ</i>
89	Dairy /'deəri/ (n)	<i>Nơi làm bơ sữa, cửa hàng bơ sữa</i>
	Diary /'daɪəri/ (n)	<i>Nhật ký</i>
90	Devise /dɪ'vaɪz/ (v)	<i>Nghĩ ra, dặt ra, sáng chế</i>
	Device /dɪ'vaɪs/ (n)	<i>Thiết bị, dụng cụ</i>
91	Noisy /'nɔɪzi/ (a)	<i>Ồn ào, làm ồn, ầm ĩ</i>
	Noisome /'nɔɪsəm/ (a)	<i>Khó chịu, hôi thối, ghê tởm</i>
92	Prosecute /'prɒsɪkjʊːt/ (v)	<i>Truy tố, tiếp tục, theo đuổi</i>
	Persecute /'pɜːsɪkjʊːt/ (v)	<i>Làm khổ, quấy rối</i>

93	Practicable /'præktikəbəl/ (a)	<i>Làm được, khả thi</i>
	Practical /'præktikəl/ (a)	<i>Thực tế; thiết thực, có ích</i>
94	Reality /ri'æləti/ (n)	<i>Sự thực, thực tế</i>
	Realty /'riəlti/ (n)	<i>Bất động sản</i>
95	Residence /'rezɪdəns/ (n)	<i>Sự ở, sự cư trú, nhà ở</i>
	Resident /'rezɪdənt/ (n)	<i>Cư dân</i>
96	Moral /'mɒrəl/ (a)	<i>Thuộc đạo đức, thuộc luân lý, có đạo đức</i>
	Morale /mə'reɪl/ (n)	<i>Tinh thần, chí khí; nhuệ khí</i>
97	Morning /'mɔːrnɪŋ/ (n)	<i>Buổi sáng, sáng</i>
	Mourning /'mɔːrnɪŋ/ (n)	<i>Sự đau buồn, tang, đồ tang</i>
98	Pretty /'prɪti/ (a)	<i>Xinh xắn, hay, tốt</i>
	Petty /'peti/ (a)	<i>Nhỏ, vặt, không quan trọng</i>
99	Marital /'merɪtəl/ (a)	<i>Thuộc chồng, thuộc vợ, thuộc hôn nhân</i>
	Martial /'mɑːrɪəl/ (a)	<i>Thuộc quân sự, thuộc chiến tranh</i>
100	Access /'ækses/ (n)	<i>Lối vào, cửa vào, sự đến gần</i>
	Excess /'ekses/ (n)	<i>Sự quá mức, sự thái quá</i>
101	Affect /ə'fekt/ (v)	<i>Ảnh hưởng đến, tác động đến</i>
	Effect /ɪ'fekt/ (n)	<i>Tác động, ảnh hưởng</i>
102	Adopt /ə'dɒpt/ (v)	<i>Chấp nhận, nhận làm con nuôi</i>
	Adapt /ə'dæpt/ (v)	<i>Thích nghi với</i>
103	Proceed /prə'siːd/ (v)	<i>Tiến lên, tiếp tục làm; hành động</i>
	Precede /pri'siːd/ (v)	<i>Đi trước, đến trước</i>
104	Diploma /di'plɒmə/ (n)	Chứng chỉ do các trường đại học, cao đẳng và trường kỹ thuật cấp. Thời gian học khoảng hai năm, hệ trung cấp. Có thời gian ngắn hơn vì chỉ tập trung vào học một môn/ngành nghề.
	Degree /di'ɡriː/ (n)	Bằng đại học và các loại bằng sau đại học (bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ)
	Certificate /sə'tɪfəkət/ (n)	Giấy chứng nhận do các trường cao đẳng và trường kỹ thuật cấp. Thời gian học từng ngành nghề (từng khoá học riêng lẻ) khoảng vài tháng đến dưới 1 năm. Ngoài ra, giấy chứng nhận “certificate” còn là một chứng từ chính thức cho biết thông tin trên đó là đúng/thật, như: a birth certificate (giấy khai sinh), a marriage certificate (giấy kết hôn), a death certificate (giấy báo tử), etc.
105	Exhaustive /ɪɡ'zɔːstɪv/ (a)	<i>Thấu đáo, toàn diện</i>
	Exhausted /ɪɡ'zɔːstɪd/ (a)	<i>Kiệt sức, mệt lử</i>
106	Neglected /nɪ'glektɪd/ (a)	<i>Cẩu thả, xuềnh xoàng, bỏ bê</i>
	Neglectful /nɪ'glektfəl/ (a)	<i>Sao lãng, lơ là</i>
	Negligible /'neglɪdʒəbəl/ (a)	<i>Không đáng kể</i>
107	Litter /'lɪtər/ (n)	<i>Rác thải mà mọi người vứt bừa bãi, không</i>

		<i>đúng nơi quy định.</i>
	Sewage /'su:ɪdʒ/ (n)	<i>Nước thải, chất thải</i>
	Garbage /'gɑ:rbɪdʒ/ (n)	<i>Rác trong nhà bếp, thường là “wet wastes”, ví dụ như đồ ăn đã bị hỏng hoặc bỏ đi.</i>
108	Patient /'peɪʃənt/ (a) (n)	<i>Kiên nhẫn, nhẫn nại; bệnh nhân</i>
	Patience /'peɪʃəns/ (n)	<i>Tính kiên nhẫn, tính nhẫn nại</i>
109 110	Action /'ækʃən/ (n)	Hành động , động tác (chỉ những chuyển động vật lý (physical movement) của cơ thể con người, chứ không phải là ‘speak’ không, mà đã chuyển thành ‘action’, action thường không phải dưới một hoàn cảnh nào như behaviour mà nó nhấn mạnh vào sự thực hiện hành động)
	Activity /æk'tɪvəti/ (n)	Hoạt động (chỉ những tình huống mà có nhiều người cùng tham gia vào làm gì đó hoặc một nhóm các hoạt động chung; Chỉ những hoạt động nhằm hướng vào mục đích nào đó, đem lại niềm vui, giải trí)
111	Recreation /,rekri'eɪʃən/ (n)	<i>Sự giải lao, trò giải lao, tiêu khiển</i>
	Creation /kri'eɪʃən/ (n)	<i>Sự sáng tạo, tạo ra</i>
112	Advertisement /əd'vɜ:tɪsmənt/ (n)	<i>Sự quảng cáo, mục quảng cáo</i>
	Advertising /'ædvətaɪzɪŋ/ (n)	<i>Nghề quảng cáo, công việc quảng cáo</i>
113	Conservation /,kɒnsə'veɪʃən/ (n)	<i>Sự bảo tồn, giữ gìn</i>
	Conversation /,kɒnvə'seɪʃən/ (n)	<i>Cuộc nói chuyện</i>
114	Solve /sɒlv/ (v)	<i>Giải quyết vấn đề, tình huống khó khăn (bằng cách tìm ra giải pháp)</i>
	Resolve /rɪ'zɒlv/ (v)	<i>Giải quyết vấn đề quan trọng, xung đột có liên quan đến nhiều người (bằng cách kết thúc vấn đề đó)</i>
115	Fee /fi:/ (n)	<i>Phí trả (cho việc sử dụng một dịch vụ đặc thù như học phí, phí đăng ký xe máy, các loại dịch vụ pháp lý như phí thuê luật sư,...)</i>
	Fare /feər/ (n)	<i>Phí trả (cho việc di chuyển, sử dụng phương tiện giao thông như tàu xe)</i>
116	Salary /'sæləri/ (n)	<i>Tiền lương (là số tiền cố định được nhận hàng tháng, hàng năm, không thay đổi dựa trên số giờ làm việc)</i>
	Wage /weɪdʒ/ (n)	<i>Tiền công (là số tiền được trả hàng tuần hoặc theo từng ngày dựa vào số tiền làm theo giờ, ngày hoặc tuần hoặc thỏa thuận dựa trên dịch vụ nào đó)</i>
117	Celebration /,selə'breɪʃən/ (n)	<i>Sự kỷ niệm, lễ kỷ niệm</i>
	Celebrity /sə'lebrəti/ (n)	<i>Người nổi tiếng</i>
118	Numerate /'nju:mərət/ (a)	<i>Có kiến thức toán học</i>
	Numerous /'nju:mərəs/ (a)	<i>Rất nhiều, rất đông</i>
119	Reliant /rɪ'laɪənt/ (a)	<i>Phụ thuộc vào, dựa dẫm vào ai</i>

	Reliable /rɪ'laɪəbəl/ (a)	<i>Đáng tin cậy</i>
120	Relation /rɪ'leɪʃən/ (n)	<i>Mối quan hệ, mối tương quan; giao thiệp (giữa hai người, hai nước,...)</i>
	Relationship /rɪ'leɪʃənʃɪp/ (n)	<i>Mối quan hệ (thân thiết giữa những người cụ thể như trong gia đình, cặp đôi, hàng xóm,...)</i>
121	Initiative /ɪ'nɪʃətɪv/ (n)	<i>Sáng kiến; sự khởi xướng</i>
	Initial /ɪ'nɪʃəl/ (a)	<i>Đầu, đầu tiên</i>
122	Live /lɪv/ (v) (a)	<i>Sống, hoạt động</i>
	Lively /'laɪvli/ (a)	<i>Sinh động; hoạt bát hăng hái</i>
123	Addicted /ə'dɪktɪd/ (a)	<i>Say mê, nghiện</i>
	Addictive /ə'dɪktɪv/ (a)	<i>Có tính gây nghiện</i>
124	Hard /hɑ:d/ (a)	<i>Cứng rắn; gian khổ; nghiêm khắc</i>
	Hardly /'hɑ:dlɪ/ (adv)	<i>Hầu như không</i>
125	Advantageous /,ædvən'teɪdʒəs/ (a)	<i>Có lợi, thuận lợi</i>
	Advantaged /əd'vɑ:ntɪdʒd/ (a)	<i>May mắn (Ở trong một hoàn cảnh xã hội hoặc tài chính tốt)</i>
126	Outbreak /'aʊtbreɪk/ (n)	<i>Sự bùng nổ, bùng phát</i>
	Breakout /'breɪkəʊt/ (n)	<i>Sự vượt ngục</i>
127	Clothing /'klɒðɪŋ/ (n)	<i>Quần áo (đặc trưng cho một quốc gia hay một giai đoạn lịch sử nào đó)</i>
	Cloth /klɒθ/ (n)	<i>Mảnh vải</i>
128	Estimate /'estɪmɪt/ (n)	<i>Sự đánh giá, sự ước lượng (thường là về kích cỡ, số lượng, chi phí... của cái gì; sự dự đoán giá của vật nào)</i>
	Estimations /æsti'meɪʃən/ (n)	<i>Sự đánh giá; sự ước lượng (thường là đánh giá hoặc đưa ra ý kiến về giá trị hoặc phẩm chất của ai/ cái gì; phán đoán về mức độ hoặc số lượng của một thứ gì đó)</i>
129	Employment /ɪm'plɔɪmənt/ (n)	<i>việc làm, sự tuyển dụng ai đó vào làm</i>
	Employability /ɪm,pbiə'bɪləti/ (n)	<i>Khả năng tuyển dụng của ai (những khả năng này bao gồm kỹ năng, kiến thức, thái độ... khiến họ phù hợp cho một công việc được trả lương)</i>
130	Well-paid /,wel 'peɪd/ (a)	<i>Được trả lương cao</i>
	High-paid /,haɪ 'peɪd/ (a)	<i>Dùng để mô tả những người kiếm được nhiều tiền</i>
131	Competitive /kəm'petətɪv/ (a)	<i>Cạnh tranh (giữa các tổ chức, giữa những người với nhau; dùng để diễn tả khả năng cạnh tranh (có thể tốt như hoặc tốt hơn) so với những thứ/ người khác)</i>
	Competing /kəm'prɪ:tɪŋ/ (a)	<i>Khác nhau, đối chọi nhau, không thể cùng tồn tại (chỉ những ý kiến, sở thích, lời giải thích,...); cạnh tranh nhau để giành khách hàng hoặc để thành công hơn những đối thủ khác (dùng để chỉ những sản phẩm, dịch vụ, doanh nghiệp khác nhau)</i>

132	Crushing /'krʌʃɪŋ/ (a)	<i>Làm tan nát, làm liểng xiểng (dùng để nhấn mạnh cái gì tệ, tàn khốc như thế nào)</i>
	Crushed /krʌʃt/ (a)	<i>Bị làm gãy, bị nghiền nát, bị đè nát,...</i>
133	Comparative /kəm'pærətɪv/ (a)	<i>So sánh, tương đối</i>
	Comparable /'kɒmpərəbl/ (a)	<i>Có thể so sánh được, có khả năng so sánh</i>
134	Comment /'kɒmentɪd/ (v)	<i>Bình luận, bày tỏ ý kiến về cái gì đó</i>
	Commentate /'kɒmentet/ (v)	<i>Tường thuật, đưa ra mô tả bằng giọng nói về một sự kiện khi nó xảy ra, đặc biệt là trên truyền hình hoặc đài phát thanh</i>
135	Hang - hanged - hanged (v)	<i>Treo cổ ai(động từ nguyên mẫu và quá khứ, quá khứ phân từ)</i>
	Hang - hung - hung (v)	<i>Treo một vật lên một vật nào đó (động từ nguyên mẫu và quá khứ, quá khứ phân từ)</i>
136	Publication /,pʌb'hkeɪʃn/ (n)	<i>Sự công bố, sự xuất bản (sách, báo,...)</i>
	Publicity /pʌb'lɪsəti / (n)	<i>Sự công khai; sự làm cho thiên hạ biết đến; sự quảng cáo, sự rao hàng</i>
137	Spices /spaɪsɪz/ (n)	<i>Đồ gia vị, điều làm thêm hấp dẫn, chất làm đậm đà; mắm muối (câu chuyện...)</i>
	Species /'spi:ʃl:z/ (n)	<i>Loài</i>
138	Impressive /ɪm'presɪv/ (a)	<i>Gây ấn tượng sâu sắc, gây xúc động, gợi cảm</i>
	Impressible /ɪm'presɪbl/ (a)	<i>Dễ cảm động, dễ cảm kích; dễ bị ảnh hưởng</i>
139	communicative/kə'mju:nɪkətɪv/(a)	<i>Dễ truyền; hay lan truyền; cởi mở, hay thổ lộ tâm sự</i>
	Communicable /kə'mju:nɪkəbl/ (a)	<i>Có thể lan truyền, có thể lây, có thể truyền đạt</i>
140	Memorize /'meməfraɪz/ (v)	<i>Học thuộc lòng, ghi nhớ, đưa thông tin vào trí nhớ (có chủ ý)</i>
	Remember /rɪ'membər/ (v)	<i>Nhớ, nghĩ về một kỉ niệm hoặc một sự việc trong quá khứ hay bạn tự nhớ ra một điều gì đó.</i>
141	Inflammable /ɪn'flæməbl/ (a)	<i>Dễ cháy (= flammable /'flæməbl/)</i>
	Nonflammable /ˌnɒn 'flæməbl/ (a)	<i>Không dễ cháy, không bắt lửa</i>
142	Status /'stetəs/ (a)	<i>Tình trạng (làm việc, ăn ở.); địa vị (một người, một nhóm, một đất nước), thân phận, thân thế</i>
	State /stet/ (a)	<i>Tình trạng (tình thân, tình cảm hoặc thể chất của một người, một vật), bang, quốc gia, nhà nước</i>
143	Outlook /'aʊtflʊk/ (n)	<i>Quang cảnh, viễn cảnh, cách nhìn, quan điểm</i>
	Lookout /'lʊkaʊt/ (n)	<i>Đài quan sát, người canh gác</i>
144	Careful /'keəfʊl/ (a)	<i>Cẩn thận, thận trọng để không làm tổn thương mình hoặc phá hỏng cái gì; kỹ lưỡng, chu đáo (tập trung vào những chi tiết)</i>
	Caring /'keərɪŋ/ (a)	<i>Chu đáo, ân cần, thể hiện rằng bạn quan tâm đến người khác</i>
145	Romance /rou'mæns/ (n)	<i>Mối tình lãng mạn; sự mơ mộng, tính lãng</i>

		<i>mạn; truyện tình lãng mạn</i>
	Romanticism /rou'maenti'sizəm/(n)	<i>Chủ nghĩa lãng mạn, sự lãng mạng hóa (mô tả mọi thứ theo cách khiến chúng nghe có vẻ thú vị hoặc bí ẩn hơn thực tế)</i>
146	Differential /,dɪfə'renʃl/ (a)	<i>(Chỉ đứng trước danh từ) thể hiện sự khác nhau, chênh lệch, không đồng đều</i>
	Different /'dɪfrənt/ (a)	<i>Khác</i>
147	Attraction /ə'trækʃn/ (n)	<i>Sự thu hút, hấp dẫn (địa danh, địa điểm như các kỳ quan, danh lam,...); Sự hấp dẫn trong vật lý như lực hút trái đất, lực hút từ,...</i>
	Attractiveness /ə'træktɪvnɪs/ (n)	<i>(Danh từ không đếm được) sự hấp dẫn, sự thu hút ở con người, sự thu hút khác giới chủ yếu là về ngoại hình</i>
148	Marriageable /'mæridʒəbl/ (a)	<i>Có thể kết hôn; đủ tư cách để kết hôn</i>
	Marital /'mæritəl/ (a)	<i>(Thuộc) vợ chồng; (thuộc) hôn nhân</i>
	Married /'mærid/(a)	<i>Đã kết hôn</i>
149	Ageing /'eidʒɪŋ/ (a)	<i>(Thường đứng trước danh từ) trở nên già đi, ít hữu ích, khỏe mạnh hơn</i>
	Aged /'eidʒɪd/ (a)	<i>Ở độ tuổi già(không đứng trước danh từ), rất già, cao tuổi</i>
150	Questionnaire /,kwɛstʃə'neər/ (n)	<i>Bảng câu hỏi (để điều tra, để thăm dò ý kiến)</i>
	Question /'kwɛstʃən/ (n)	<i>Câu hỏi, vấn đề, điều bàn đến</i>
151	Quantity /'kwɒntəti/ (n)	<i>Số lượng của một thứ gì đó</i>
	Quality /'kwɒləti/ (n)	<i>Chất lượng của một thứ gì đó</i>
152	Use /ju:z/ (n/v)	<i>Chỉ về việc áp dụng/ sử dụng/ vận dụng một thứ gì đó vào một hoàn cảnh cụ thể (Riêng biệt); sử dụng, dùng</i>
	Usage /'ju:sɪdʒ/ (n)	<i>Cách sử dụng từ</i>
153	Quite / kwait / (adv)	<i>Hoàn toàn, khá</i>
	Quiet /'kwaɪət/ (a)	<i>Yên lặng, yên tĩnh</i>
154	Attendee /ə'ten'di:/ (n)	<i>Người tham dự</i>
	Attendant / ə'tendənt / (n)	<i>Người phục vụ (ở các sự kiện, hội thảo,...)</i>
	Attendance /ə'tendəns/(n)	<i>Sự tham dự, số lượng người tham dự</i>
155	Functions (n)	<i>Chức năng, nhiệm vụ của ai/cái gì</i>
	Functionality /,fʌŋkʃə'næləti/ (n)	<i>Tính hữu dụng của sản phẩm nào đó; tính năng của cái gì</i>
156	Origin /'ɔrɪdʒɪn/ (n)	<i>Nguồn gốc, căn nguyên; dòng dõi, lai lịch</i>
	Originality / ə,rɪddʒɪ'næləti / (n)	<i>Tính chất độc đáo; tính chất sáng tạo, mới mẻ</i>
157	Inability ɪnə'bɪlɪti/ (n)	<i>Sự không có khả năng/năng lực làm gì</i>
	Disability /,ɪnə'bɪləti/ (n)	<i>Sự ốm yếu tàn tật (không thể sử dụng một phần cơ thể hoàn toàn hoặc dễ dàng hoặc không có khả năng học dễ dàng)</i>
158	Informative / in'fɔ:mətɪv / (a)	<i>Cung cấp nhiều tin tức, có nhiều tài liệu</i>
	Informed /in'fɔ:md/ (a)	<i>Có hiểu biết, am hiểu</i>

159	Powder /'paʊdə(r)/(n)	Bột
	Power /'paʊə(r)/(n)	Sức mạnh, quyền lực
160	Worth /wɜ:θ/ (a)	Có giá là bao nhiêu
	Price /praɪs/ (v)	Đặt giá, định giá
	Cost /kɔ:st/ (y)	Trị giá; phải trả

BÀI TẬP ÁP DỤNG 1

- In your capacity as a judge, you have to work with high concentration. You must make uninterested judgment.
A B C D
- The building was formally used as a bank, but it has been turned into a church recently.
A B C D
- A considerate amount of time and effort has gone into this exhibition.
A B C D
- I'm very appreciable of all the support you've given me.
A B C D
- Emotional problems, such as stress, anxiety, or depression, can make a person more forgettable.
A B C D
- Life expectation for both men and women has improved greatly in the past 20 years.
A B C D
- Everyone would go into the hall for assembly and then afterwards we'd go to our respectful classes
A B C D
- You should be more respectable of other people's points of view. Don't embarrass someone even if they are wrong.
A B C D
- This type of computer jargon is barely comprehensive to most people.
A B C D
- From our points of view, we do not see how these changes will be beneficent to the company.
A B C D
- She wasn't very complementary about your performance, was she?
A B C D
- We discussed the problem but we didn't get much farther in actually solving it.
A B C D
- I think the sensitive thing to do is call and ask for directions.
A B C D
- We must develop more rapid, responsible systems for dealing with online messages.
A B C D
- Our team won the trophy for the second successful season.
A B C D
- The novel is regarded as one of the classical works. I really love reading it in my free time.
A B C D
- Doctors fear possible epidemics of cholera, malaria, and other deadthly diseases.
A B C D

18. Recovery after the accident will be a continual process that may take several months.
A B C D
19. With rents so high, it wasn't economic to continue to live in the city.
A B C D
20. The newspaper, or more especially, the editor, was taken to court for publishing the
 photographs.
A B C D
21. Most of these women are very poorly paid and work in terrific conditions.
A B C D
22. An area with a favourite climate will inevitably be richer than one without.
A B C D
23. It is awful to see these magnificent creatures in flight. I have never seen these things before.
A B C D
24. This win could prove to be a historical turning point in the fortunes of the team.
A B C D
25. You'll need to be a little more imaginable if you want to hold their attention.
A B C D
26. Her suite of rooms was cool and restless and there was a small balcony beyond the
 bedroom window.
A B C D
27. Every employee is expected to be competent and industrial because wage rates
 depend on levels of productivity.
A B C D
28. The service was not entirely dependent and flights were often cancelled.
A B C D
29. The documentary offers an insight into the every day lives of millions of ordinary Russian citizens.
A B C D
30. We need someone really effective who can organize the office and make it smoothly.
A B C D
31. The organization works on the principal that all members have the same rights.
A B C D
32. She offered me more money or a car and I chose the later.
A B C D
33. In this teaching practice, teachers illicit and build on their students' mathematical insights.
A B C D
34. The children were surprised by the sudden entrance of their teacher.
A B C D
35. Her health has improved drastically since she started on this new diet.
A B C D
36. His company offers a flexible package service for the food industry.
A B C D
37. A growing percent of women are delaying marriage to pursue professional careers.
A B C D
38. She made a fabulous desert with alternate layers of chocolate and cream.
A B C D
39. The new trade agreement should felicitate more rapid economic growth.
A B C D

40. He was arrested at the airport with a kilo of heroin secreted in his clothing.
A B C D
41. She complained that her husband never paid her any complement anymore.
A B C D
42. The accident caused intensive damage to both cars, but fortunately no one died.
A B C D
43. The text has numerous foul, but none are particularly significant.
A B C D
44. We really should meet sometimes soon to discuss the details.
A B C D
45. The author's wife was a good editor, beside being a great writer herself.
A B C D
46. Therefore, heavy reliance on this single strategy is highly unsafe, and the timely
development of alternative or complementary methods to chemical control is advisory.
A B C D
47. We will offer you a comprehensible training in all aspects of the business if you take this course.
A B C D
48. When a child becomes a teenager, he encounters many experiences which are new
for him to handle independently and on his own. Children of this age are often highly suggested.
A B C D
49. The course has four main ingredients: business law, finance, computing and management skills.
A B C D
50. He was not seriously wounded, though his coach took him off at half-time as a precaution.
A B C D
51. Someone has leaked confident government Information to the press.
A B C D
52. Scientists have invented how to predict an earthquake.
A B C D
53. Safety regulations are being neglected by company managers in the drive to increase profits.
A B C D
54. The study founded that men who were married lived longer than those who were not.
A B C D
55. She lied aside her book and went to answer the phone.
A B C D
56. We were having such a good time that we decided to last our stay by another week.
A B C D
57. The government has pledged to drop the amount of chemicals used in food production.
A B C D
58. The plans for the new development have risen angry protests from local residents.
A B C D
59. I'm exhausted. I'd like to rest a while before we continue.
A B C D
60. The police offered an award for any information about the robbery.
A B C D
61. Mia, you're always forgetting your car keys on your desk. I'm getting tired of
A B C D

telling you about that.

62. The repayment period will be expanded from 20 years to 25 years.

A B C D

63. She gave me her insurance that she would sign the contract immediately.

A B C D

64. Some of the larger birds can remain stationery in the air for several minutes.

A B C D

65. In September, these birds immigrate 2,000 miles south to a warmer climate.

A B C D

66. There aren't any posters, so we'll have to find a trolley for the luggage.

A B C D

67. Farmers are facing ruin after two years of severe draught.

A B C D

68. I'd have sank if he hadn't happened along and pulled me out of the river.

A B C D

69. The country's president is seeking to repair relations with the United States.

A B C D

70. She's been accused of disusing federal funds to pay for her son's private

A B C D

school expenses.

71. Doctors are trained to realize the symptoms of different diseases.

A B C D

72. The sun was hot, and there were no trees to offer US shadow.

A B C D

73. How much did you have to lend to pay for this?

A B C D

74. She is always polite and considerable towards her employees.

A B C D

75. His continuous demands for sympathy became quite a strain on his friends.

A B C D

76. I'll need to take out extra car assurance for another driver.

A B C D

77. He's the author of several hugely successive children's books.

A B C D

78. I discovered latter that she'd known all about it from the beginning.

A B C D

79. The equator is an imaginative line around the middle of the earth.

A B C D

80. We only need one more player for this game. Can you convince your sister to join in?

A B C D

81. The activity of English and French pirates began in the 16th century, and reached

A B C

its climate in the middle of the 17th century.

D

82. Unfortunately, the authors have been unsuccessful so far in finding a satisfying

A B C

explanation for this surprisingly simple correlation within the framework of the present theory.

D

83. I am sick of being too sacred to say what I think, or to tell people when they are out of line.

A B C D

84. We can confirm that we have been in communication with the application and have responded fully to any concerns raised by her.

A B C

D

85. In addition to a competitive salary, the company offers attractive benefits. As a result, the number of employers in the company has trebled over the past decade.

A B

C D

86. It has to be said it was rather ingenious of him to ask a complete stranger to take care of his luggage.

A B C

D

87. She gave him detailed directions on the procedure to be followed so that he can quickly complete the task.

A B C

D

88. It's a very permissible school where the children are allowed to do whatever they want.

A B C D

89. One of the minus points of working at home is not having sociable contact with colleagues.

A B C D

90. The building was burnt to the ground with all that it contained, including his private dairy for forty years.

A B C

D

91. A mouse is a devise that makes it easier to select different options from computer menus.

A B C D

92. Any manufacturer who does not conform to the standards could be persecuted under the Consumers Protection Act, 1987.

A B C

D

93. I know you've been trained as a teacher, but do you have any practicable teaching experience?

A B C

D

94. The reality of the situation is that unless we find some new funding soon, the youth centre will have to close.

A B C

D

95. He entered the United States in 1988 as a permanent residence because of his marriage to a U.S. citizen.

A B C

D

96. Designed to enhance stability and wartime production, the new laws only lowered workers' moral and decreased output.

A B

C D

97. These youngsters are often involved in pretty crime such as shoplifting and casual theft.

A

B

C

D

98. The system has been designed to give the user quick and easy excess to the required information.

A

B

C

D

99. Certain chemicals have been banned because of their damaging affect on the environment. However, many farmers are still using them on their farm.

A

B

C

D

100. The ways in which organisms have adopted to survive in this extreme environment are not well understood.

A

B

C

D

101. We should remember that all these things have been discovered by way of rigorous analysis and exhausted experience, not by intuition.

A

B

C

D

102. Not surprisingly, parents who show antipathy toward their child are also more likely to be emotionally or physically negligible and abusive.

A

B

C

D

103. Though it was adopted energetically, its real impact eventually proved neglected, except for an initial flutter of activity.

A

B

C

D

104. He's a good teacher, but he doesn't have much patients with the slower pupils.

A

B

C

D

105. Numerate substances are found in nature and in the body that function as protective agents against oxygen-free radicals.

A

B

C

D

106. Police are investigating a possible relative between the murder and a robbery that took place last year.

A

B

C

D

107. Broker-dealers must use their judgment in assessing whether the issuer information is from a reliant source.

A

B

C

D

108. Managers were asked what one piece of advise they would give to the board to improve the quality of their working lives.

A

B

C

D

109. The final technical report into the accident reinforces the findings of initiative investigations.

A

B

C

D

110. She holds a degree in human resource management from San Francisco State University.

A

B

C

D

111. People may also become celebrations due to media attention on their lifestyle,

A

B

wealth, or controversial actions, or for their connection to a famous person.

C

D

112. Any healthy relation should allow each partner to feel respected enough to share

A

B

C

an opinion, even if it opposes the other partner's opinion.

D

113. An advertisement strategy is a plan to reach and persuade a customer to buy a

A

B

C

D

product or a service.

114. People who cannot find time for creation are obliged sooner or later to find time for illness.

A

B

C

D

115. Take some foreign currency to cover incidentals like the taxi fee to your hotel.

A

B

C

D

116. Your annual wage is the amount of money your employer pays you over the

A

B

course of a year in exchange for the work you perform.

C

D

117. The Oscars award ceremony is one of the famous ceremonies in the world, and

A

B

is watched lively on TV in over 200 countries.

C

D

118. Wildlife conversation is the practice of protecting wild species and

A

B

their habitats in order to prevent species from going extinct.

C

D

119. The treatment for people addictive to tranquillizers includes training in stress

A

B

C

management and relaxation techniques.

D

120. I'm not surprised he failed his exam - he didn't exactly try very hardly!

A

B

C

D

121. After having chicken pox as a child, I am susceptible to getting a breakout of shingles since the

A

B

C

virus is already in my system.

D

122. There were several competitive accounts of what actually happened that night.

A

B

C

D

123. There's milk on the floor over there - could you get a cleaning clothing and mop it up?

A

B

C

D

124. According to some estimations, almost half the world is living through this

A

B

pandemic without the internet.

C

D

125. I intend to take an IT course because acquiring enhanced IT skills will improve my

A

B

C

employment

D

126. They sell a wide range of domestic applications —washing machines, dishwashers
A B C
and so on.

D

127. This city is full of well-paid software engineers, which is very difficult for me to find a job.
A B C D

128. The crushing leaves of yarrow can serve as a traditional medicine for cleansing wounds.
A B C D

129. Inflation is now at a rate comparative with that in other European countries.
A B C D

130. Each of these stages is an element in a complex sociable structure and cultural context.
A B C D

131. He has commented and written up nearly 50 match reports all over the world.
A B C D

132. Inside the villa, the first thing you will notice is an old-fashioned gas lamp hanged
A B C D
from the ceiling.

133. I absolutely deny to take part in any unethical or illegal activities such as gambling,
A B C
stealing and drug dealing.

D

134. She was rather annoying to discover that her boyfriend hadn't told her the truth.
A B C D

135. Her business is such a rare successful story in the time of deep economic recession.
A B C D

136. According to one high placed source, the prime minister had threatened to resign over
A B C D
this issue.

137. The FBI had a major international incident last year, but they did such a good job
A B
covering it up to avoid publication that no one knows what happened specifically.
C D

138. Our client an International conservation charity is looking for a press official to
A B
cover a maternity leave vacancy at their zoo.
C D

139 The new government has decided to set all political prisoners freely.
A B C D

140. The four-time champion was unexpectedly hit in the second round of the competition.
A B C D

141. My younger brother is determined to erase the memory of a disappointed
A B C
Cup debut two years ago.

D

142. You'll get more flavour from the species if you grind them into a powder.
A B C D

143. These metal exercises are designed to break linear thinking habits and encourage
the creativity that is needed for innovation.

A B C
D

144. Children at an impressive age should be under close parental supervision since they
may be led astray by their unsuitable friends.

A B
C D

145. Covid-19, a highly communicative disease, will wreak havoc on a massive scale
unless necessary prevention measures are implemented.

A B C
D

146. People gathered in the main square on the Independence Day to memorize those
who had made the supreme sacrifice for the liberation of the nation.

A B C
D

147. Given its recent cancellations of numerous flights, many people have expressed
doubts about the reliance of the airline.

A B C
D

148. The team's spirits were really low after the first loss, but their morality was
improved remarkably after the next three consecutive victories.

A B
C D

149. Protective gear for fire fighters is supposed to make of inflammable materials so
as to eliminate the risk of fires.

A B
C D

150. Public speaking is quite a frightening experience for many people as it can
produce a status of mind similar to panic.

A B
C D

151. One necessary preventive measure to be take is that the public should be on the
outlook for symptoms of the disease.

A B C
D

152. TikTok, a very entertained application, has become popular with the young recently.

A B C D

153. He was described as a good man, a careful father and a considerate neighbor.

A B C D

154. He was a well-known writer with his writing style combining between realism and romance.

A B C D

155. My boss have said that we have a different salary structure based on employees' experience.

A B C D

156. In my experiences, very few people really understand the problem so as to find a
good solution to it.

A B C
D

157. Physical attraction is very important to some people, but I love her for her characters.

A B C D

158. He reached marital age, but he still liked hanging around with his lazy friends, which made his parents upset.

A B C

D

159. About 23% of men and women ageing 25 to 34 said they had lived with a partner without getting married.

A B C

D

160. Parents worry over a school's quality and the attention of its staff.

A B C D

161. This recipe is only for four, so I usually double the quality if I'm cooking for my family.

A B C D

162. Visitors to the country have been asked to fill in a detailed question which tries to find out what make them wish to return to this country.

A B C

D

163. According to the results of some research, the earliest recorded use of the word is in the twelfth century.

A B C D

164. These companies operate under a strict array of rules, which helps them run smoothly.

A B C D

165. Seeing him sleeping well, she spoke in a quite voice so as not to wake him.

A B C D

166. Being a pool attende, his main responsibility is to keep a constant watch on swimmers.

A B C D

167. Banks have realized they need to provide additional functions at ATMs.

A B C D

168. I'm not a heavy drinker but a societal drinker - I only drink when I'm with other people.

A B C D

169. Students are supposed to show initiative, imagination and origin in their work if they want to get high marks.

A B C

D

170. The number of employers in the company has trebled over the past decade.

A B C D

171. They have carried exhausting research into the effects of smartphone on schoolchildren's behaviour and their academic performance.

A B

C

D

172. A packet of white power was found and police scientists are analysing it.

A B C D

173. There being no posters, we'll have to find a trolley for the luggage.

A B C D

174. Can you close the window? I'm in a drought.

A B C D

175. There is no doubt that the cost of living in many megacities around the world is raising.

A

B

C

D

176. Thieves broke the shop window and carried off jewellery priced thousands of pounds.

A

B

C

D

177. Unnecessary to say, she'll face the axe soon should her productivity not improve.

A

B

C

D

178. It is essential to provide high school students with adequate career orientation, so

A

B

they can make more informative decisions about their future major.

C

D